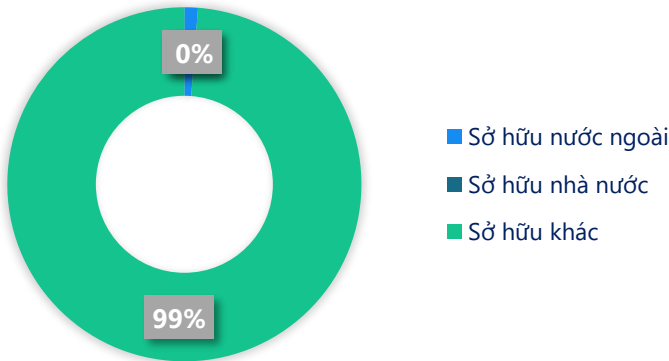


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		10,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		
SL cổ phiếu LH		2,237,280
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35
% sở hữu nước ngoài		1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		22
P/E		-4.7
EPS		-2,124

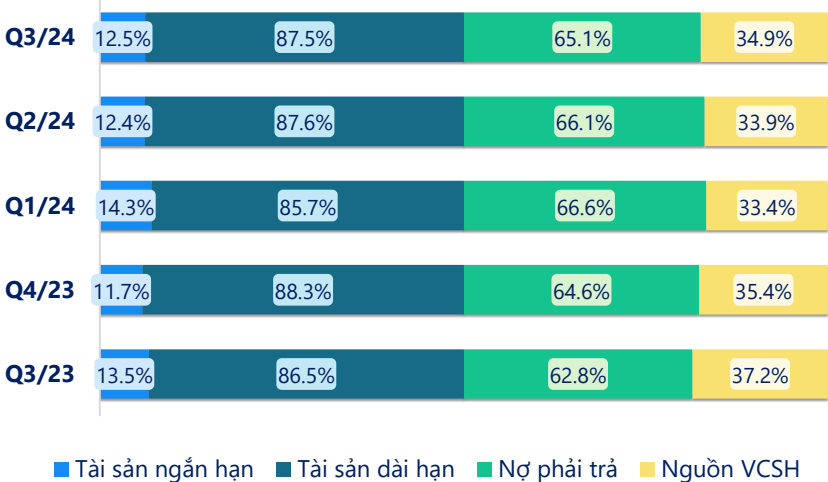
	YTD	1T	3T	6T
DPC	-13.8%	22.0%	-30.6%	17.6%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%

Cơ cấu sở hữu



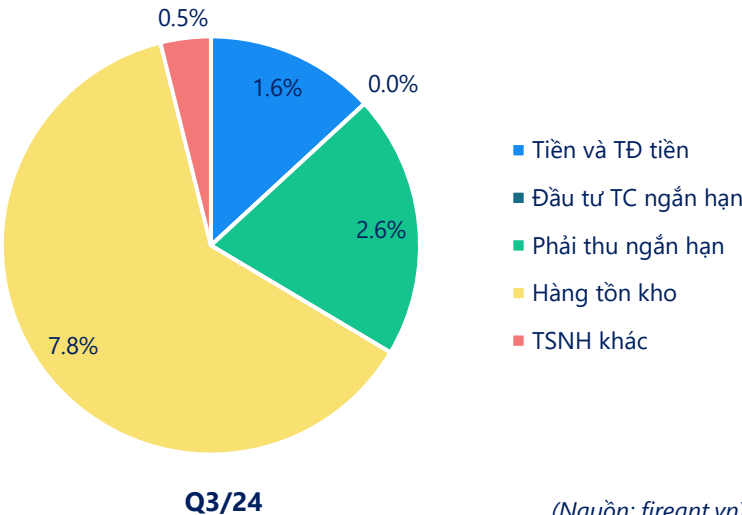
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



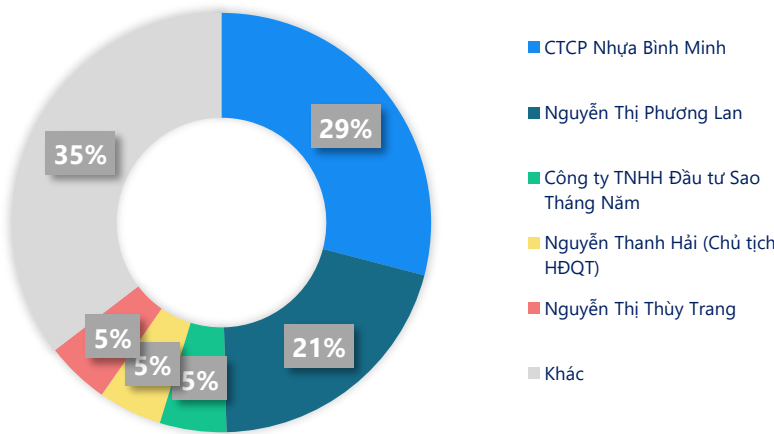
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



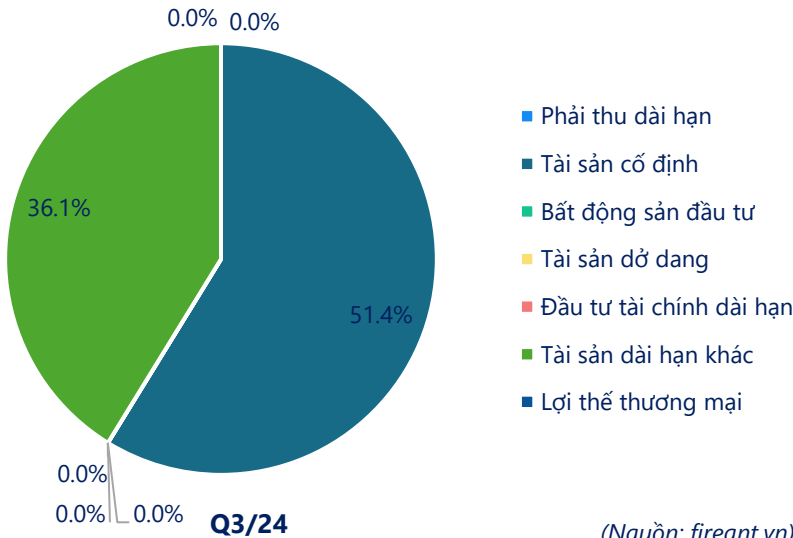
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

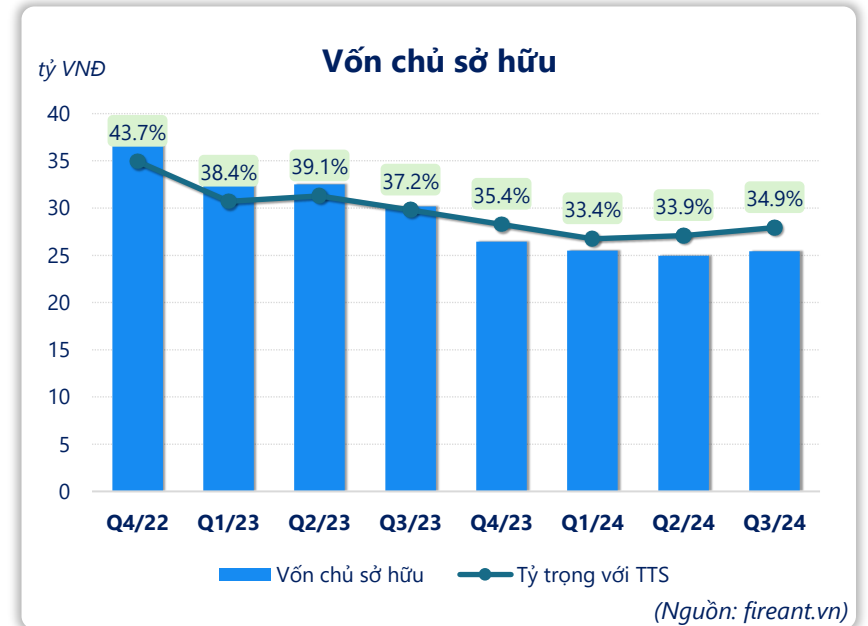
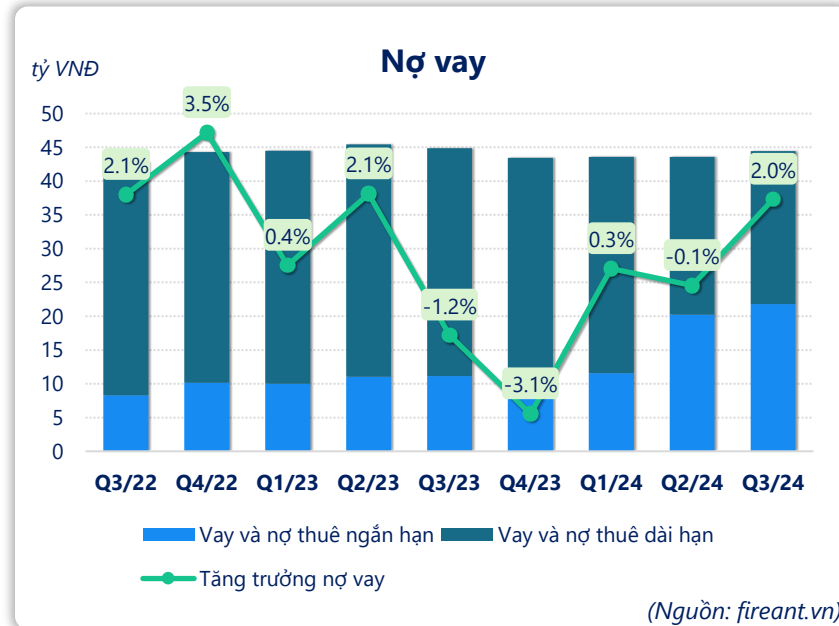
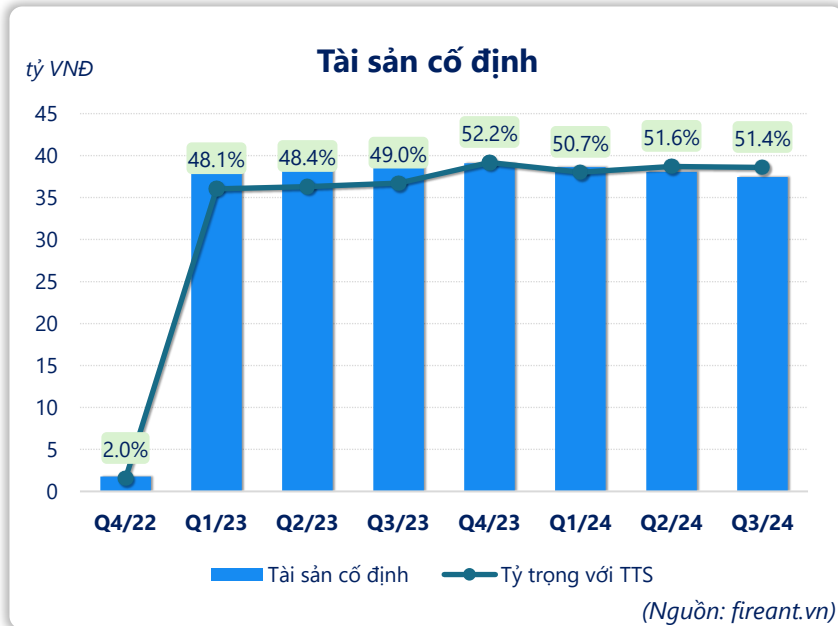
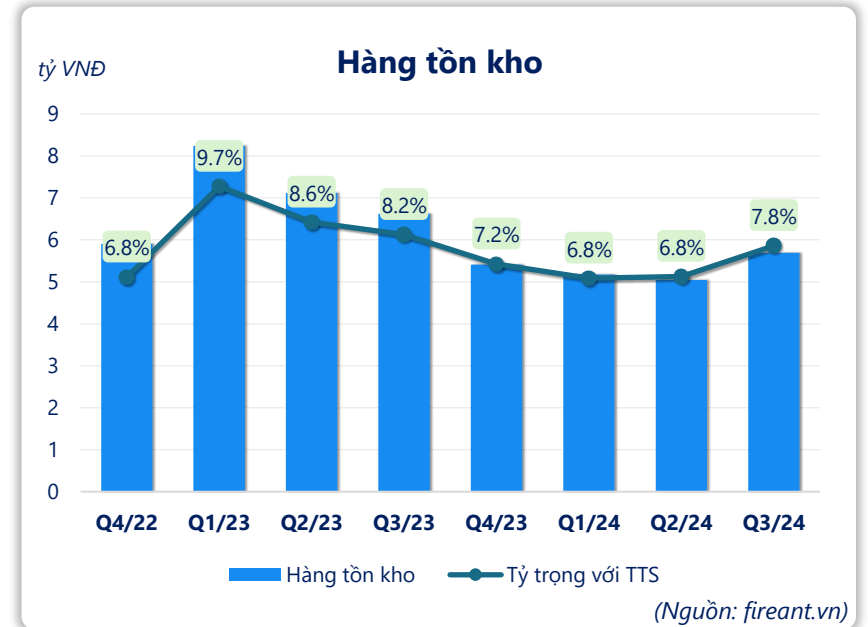
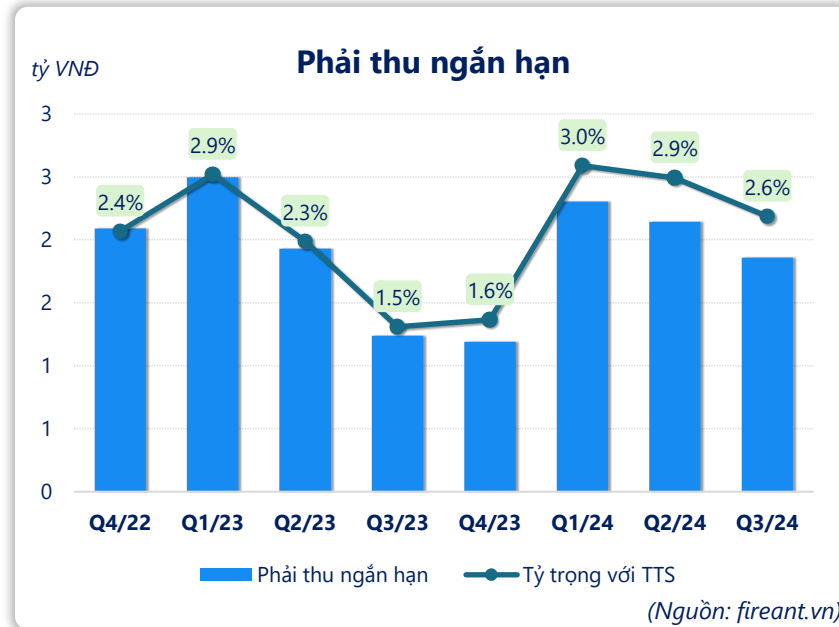
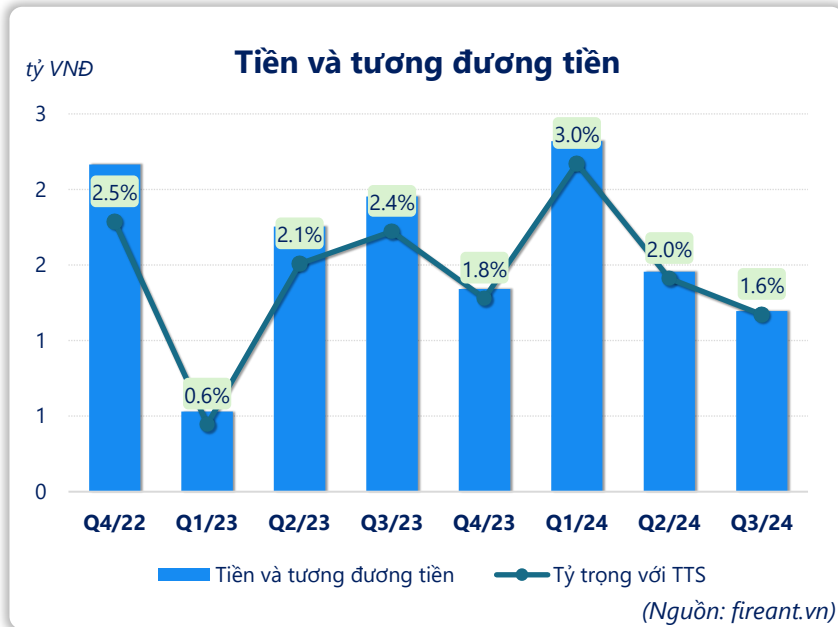


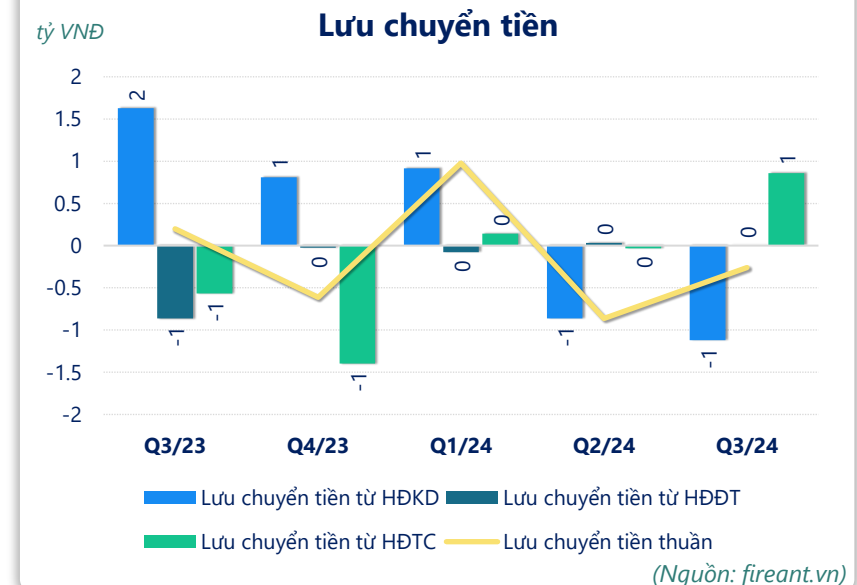
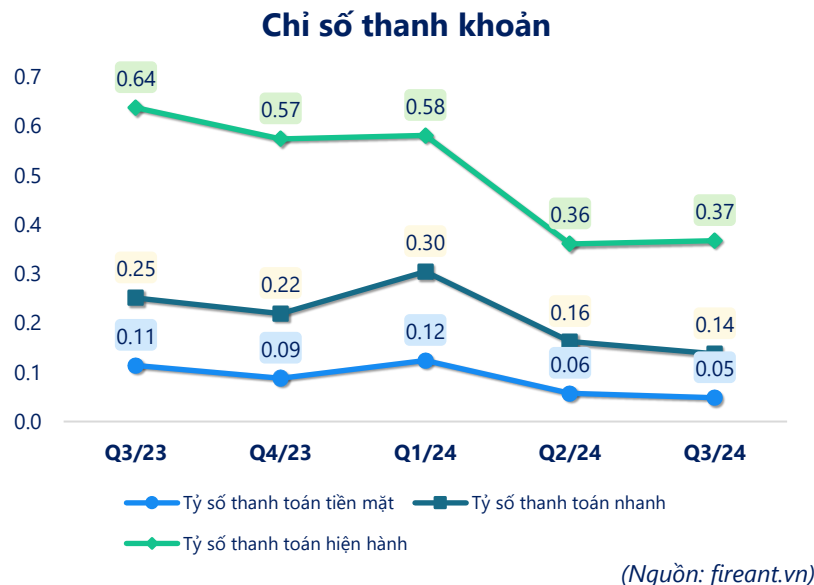
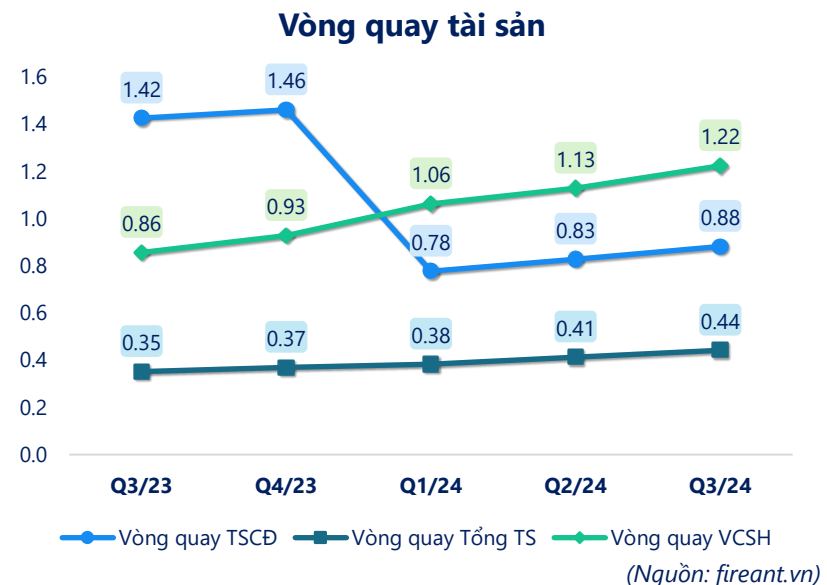
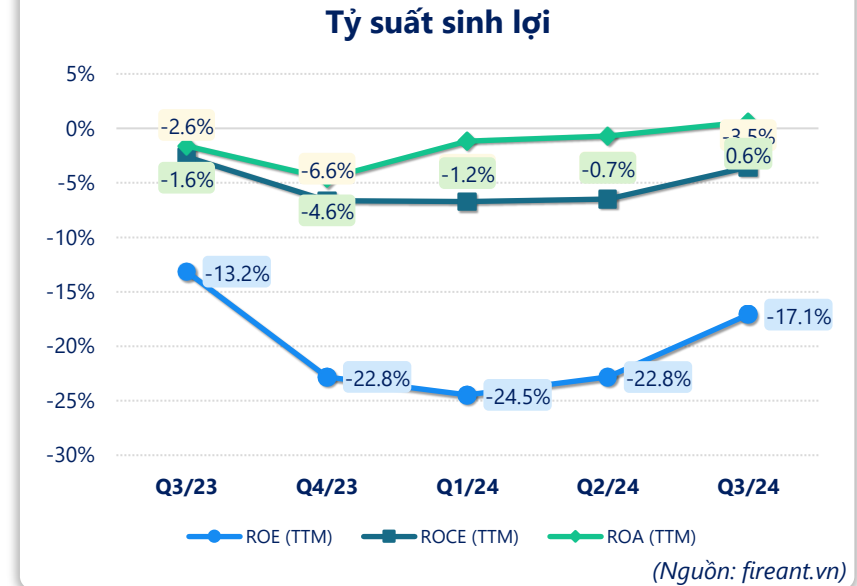
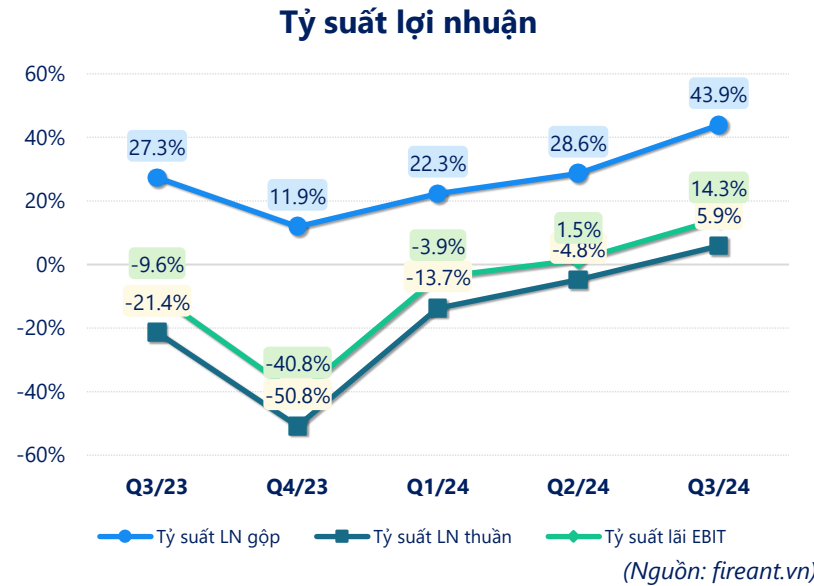
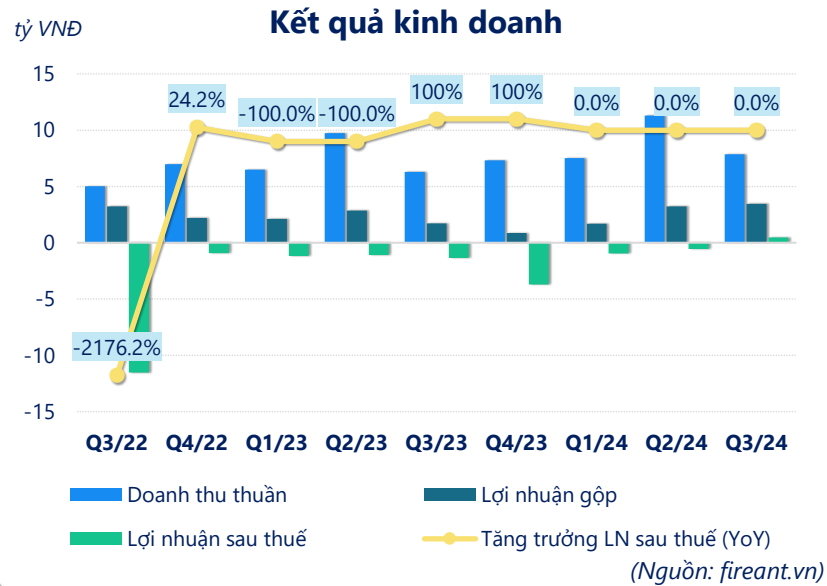
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)





CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	72.8	74.8	-2.6%
Tài sản ngắn hạn	9.10	8.70	4.6%
Tiền và tương đương tiền	1.20	1.34	-10.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1.86	1.13	64.3%
Hàng tồn kho	5.69	5.41	5.2%
Tài sản ngắn hạn khác	0.35	0.82	-56.6%
Tài sản dài hạn	63.7	66.1	-3.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	37.5	39.1	-4.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	26.3	27.0	-2.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	47.4	48.3	-1.9%
Nợ ngắn hạn	24.8	15.2	63.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	21.8	10.4	111%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.60	2.40	-74.8%
Nợ dài hạn	22.6	33.1	-31.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	22.6	33.1	-31.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	25.4	26.5	-3.9%
Vốn chủ sở hữu	25.4	26.5	-3.9%
Vốn điều lệ	22.4	22.4	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	6.28	7.31	7.52	11.3	7.86
Giá vốn hàng bán	4.56	6.44	5.84	8.07	4.41
Lợi nhuận gộp	1.72	0.87	1.68	3.24	3.45
Doanh thu HĐTC	0.01	0.00	0.00	0.00	0.00
Chi phí TC	0.85	0.81	0.76	0.86	0.78
Chi phí lãi vay	0.74	0.73	0.66	0.71	0.66
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	1.35	2.83	1.19	1.97	1.46
Chi phí QLDN	0.87	0.96	0.76	0.95	0.76
LN thuần từ HĐKD	-1.35	-3.72	-1.03	-0.54	0.46
Lợi nhuận khác	0.00	0.00	0.08	0.00	0
LN trước thuế	-1.35	-3.72	-0.95	-0.54	0.46
Lợi nhuận sau thuế	-1.35	-3.72	-0.95	-0.54	0.46
LNST của CĐ cty mẹ	-1.35	-3.72	-0.95	-0.54	0.46

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1.63	0.81	0.92	-0.86	-1.12
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.86	-0.03	-0.08	0.03	0.00
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.57	-1.40	0.14	-0.03	0.86
Tiền đầu kỳ	1.76	1.95	1.34	2.32	1.46
Lưu chuyển tiền thuần	0.20	-0.61	0.98	-0.86	-0.26
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	1.95	1.34	2.32	1.46	1.20

(Nguồn: fireant.vn)